

Bản án số: 18/2020/HS-ST
Ngày 07/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hà Đình Sở**.

2. Bà **Nguyễn Thị Tâm**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Đình Ngọc Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa:
Ông **Trần Minh Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/HSST-QĐ, ngày 29/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1976 tại tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D - Đã chết và bà Trần Thị Th, sinh năm 1956; Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979 (đã ly hôn); Con: Nguyễn Huy H, sinh năm: 2001; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là lớn nhất; Tiền án: Không; Tiền sự: 02 tiền sự, năm 2018 công an huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy; năm 2019 UBND thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái ra quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tiền sử bản thân: Năm 2005, 2008 và 2017 bị Công an huyện, UBND huyện Trấn Yên và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an tỉnh Yên Bái đưa vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh và xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy và đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2019 đến nay. Hiện đang bị

tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Phú Thọ. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Trần Thị H** - Luật sư Công ty Luật hợp danh Thiên Thanh thuộc Đoàn Luật sư Hà Nội, (Có mặt).

Địa chỉ: Phòng 412, 142 Lê Duẩn, P. Khâm Thiên, Q. Đống Đa, Hà Nội.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn Th**, Tên gọi khác: **K**; sinh năm 1992 tại Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu Hùng Nhĩ, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; Vợ: Trần Thị Th, sinh năm 1994; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là lớn nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Văn Th bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 11/11/2019 đến ngày 20/11/2019 được Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Sơn quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giữ sang Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Đinh Thị Đ**, sinh năm 1998. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm Nâu, xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh **Đinh Việt B**, sinh năm 1972. (Có mặt).

Địa chỉ: Phố Cầu Đất, TT Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

3. Anh **Hoàng Anh Q**, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 3, Xã Thanh Đình, Tp. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

4. Anh **Phùng Văn Đ**, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đội 8, Xã Văn Luông, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

5. Chị Trần Thị Th- SN 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Hùng Nhĩ- TT Thanh Sơn- huyện Thanh Sơn- tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10 năm 2019 Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1992, thường trú tại: khu Hùng Nhĩ, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ quen biết với chị Đinh Thị Đ, sinh năm: 1998, thường trú tại: xóm Nâu, xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ là gái bán dâm. Th nảy sinh mục đích thu lợi bất chính nên đã đặt vấn đề và thỏa thuận với chị Đ: nếu có khách mua dâm thì Th sẽ bảo chị Đ đi bán dâm; Th sẽ trả cho chị Đ số tiền là 70.000 đồng/1 lần bán dâm. Chị Đ đồng ý. Sau đó, để có địa điểm và khách mua dâm nên Th đến Nhà nghỉ 026 (do anh Đinh Việt B, sinh năm 1972 là chủ nhà nghỉ) thuộc: phố Cầu Đất, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ gặp Nguyễn Minh T,

sinh năm: 1976, thường trú tại: Tổ 2, thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái là nhân viên lễ tân tại Nhà nghỉ 026. Th đặt vấn đề với T: khi khách đến nhà nghỉ có nhu cầu mua dâm thì T gọi điện cho Th để Th đưa gái bán dâm đến để bán dâm; mỗi lần gái bán dâm cho khách xong T sẽ trả cho Th số tiền là 500.000 đồng/1 lần bán dâm. Do T nảy sinh mục đích vụ lợi cá nhân, muốn hưởng tiền phòng nghỉ và tiền chênh lệch giữa tiền thu của khách mua dâm với tiền trả cho Th nên T đã đồng ý với đề nghị của Th. Khoảng 14 giờ ngày 11/11/2019, anh Hoàng Anh Q, sinh năm: 1984, thường trú tại: xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và anh Phùng Văn Đ, sinh năm: 1984, thường trú tại: xã Văn Luông, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ đến Nhà nghỉ 026 để mua dâm. Khi đến nhà nghỉ, anh Đ gặp T rồi giao dịch việc mua dâm và được T đồng ý bố trí gái bán dâm với giá mua bán dâm là 1.000.000 đồng/1 người/1 lần mua dâm. Sau khi thỏa thuận xong, T bố trí cho anh Q vào phòng 202, anh Đ vào phòng 205 của nhà nghỉ để chờ gái bán dâm đến. Sau đó, T dùng số điện thoại 0918.689.480 gọi điện vào số điện thoại 0336.819.926 của Nguyễn Văn Th bảo đưa gái bán dâm đến nhà nghỉ để bán dâm cho khách. Th đồng ý và sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19C1-291.93 chở chị Đinh Thị Đ đến Nhà nghỉ 026 để bán dâm.

Tại Nhà nghỉ 026, Nguyễn Minh T nói với Nguyễn Văn Th là có hai khách mua dâm. Do chỉ có một mình chị Đ là gái bán dâm nên T sắp xếp chị Đ vào phòng 202 bán dâm cho anh Q trước, sau đó sẽ bán dâm cho anh Đ. Chị Đ bán dâm cho anh Q trong khoảng thời gian từ 14 giờ 15 đến 14 giờ 45 phút. Sau khi anh Q, chị Đ quan hệ tình dục xong, anh Q xuống quầy lễ tân trả cho T số tiền là 1.100.000 đồng để thanh toán tiền mua bán dâm và tiền phòng nghỉ của anh Q (trong đó tiền mua dâm là 1.000.000 đồng và tiền phòng nghỉ là 100.000 đồng). Lúc này, Th đang ở khu vực quầy lễ tân đợi chị Đ nên T trả luôn cho Th số tiền 1.000.000 đồng (trong đó có 500.000 đồng là tiền mà chị Đ đã bán dâm cho anh Q và 500.000 đồng chị Đ tiếp tục bán dâm cho anh Đ theo thỏa thuận giữa Th và T từ trước). Khi nhận tiền của T, Th trả nợ cá nhân cho T 100.000 đồng. Tiếp tục, Nguyễn Minh T bảo chị Đ sang phòng 205 bán dâm cho anh Đ (lúc này khoảng 14 giờ 50 phút ngày 11/11/2020). Trong khi chị Đ đang quan hệ tình dục với anh Đ thì bị Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ phối hợp với Công an huyện Thanh Sơn bắt quả tang. Do bị bắt quả tang nên anh Đ chưa kịp thanh toán cho Nguyễn Minh T số tiền mua dâm và tiền phòng nghỉ là 1.100.000 đồng; Nguyễn Văn Th chưa kịp trả cho chị Đinh Thị Đ số tiền 140.000 đồng/02 lần bán dâm như đã thỏa thuận.

Tang vật thu giữ: Tiền VNĐ 1.100.000 đồng (trong đó thu giữ trên người T 200.000 đồng, thu giữ trên người Th 900.000 đồng; thu giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng tại phòng 202; thu giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng tại phòng 205; thu giữ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, đã qua

sử dụng, bên trong lắp sim số 0918.689.480 thu trên người Nguyễn Minh T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu đen, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0336.819.926 thu trên người Nguyễn Văn Th; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0867.731.447 thu trên người chị Đinh Thị Đ; thu giữ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển kiểm soát 19C1-291.93 đã qua sử dụng thu giữ tại sân nhà nghỉ 026, bên trong cốp xe có 02 bao cao su nhãn hiệu “VIP” chưa qua sử dụng. Khám xét khẩn cấp Nhà nghỉ 026, thu giữ tại quầy lễ tân 23 (Hai mươi ba) Bao cao su chưa qua sử dụng.

Ngày 13/11/2019, Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Sơn thụ lý theo thẩm quyền. Ngày 20/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Sơn đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với Nguyễn Minh T về tội “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự và Nguyễn Văn Th về tội “Môi giới mại dâm” quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Sơn, Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn Thân khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của T và Thân phù hợp với lời khai người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 25 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm d khoản 2 Điều 328 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn không thay đổi, bổ sung cáo trạng, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Chứa mại dâm”, bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tuấn. Xử phạt Nguyễn Minh T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 11/11/2019.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn Th 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo T và Th.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 25 bao cao su chưa qua sử dụng; 02 bao cao su đã qua sử dụng được thu giữ trong quá trình bắt quả tang và khám xét khẩn cấp.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: Số tiền 2.200.000 đồng thu giữ của bị cáo T, bị cáo Th và anh Đ, đây là số tiền do hành vi phạm tội mà có.

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0918.689.480 của bị cáo Nguyễn Minh T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu đen, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0336.819.926 của bị cáo Nguyễn Văn Th. Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc, trao đổi với nhau về việc phạm tội.

Trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển kiểm soát 19C1-291.93 đã qua sử dụng là tài sản chung và là phương tiện đi lại của vợ chồng bị cáo.

Xác nhận ngày 16/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Sơn đã trả lại cho chị Đinh Thị Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0867.731.447.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố Tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T: Bà H nhất trí tội danh đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngoài 02 tình tiết giảm nhẹ Đại diện Viện kiểm sát đề xuất tại bản luận tội, bà H đề nghị cho bị cáo T hưởng thêm tình tiết qui định tại điểm t khoản 1 Điều 51- BLHS và áp dụng Điều 54- BLHS xử bị cáo dưới khung hình phạt bởi lý do sau: Quá trình Điều tra bị cáo T đã thành khẩn khai báo giúp cơ quan Điều tra giải quyết nhanh vụ án. Ngoài ra, bà H còn đề nghị xem xét thời hạn xóa tiền sự của Quyết định xử phạt hành chính năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Minh T còn đề nghị xem xét Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động tự do nên không có thu nhập, tài sản gì, đề nghị Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về vật chứng vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo T và bị cáo Th không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: Đã thực hiện đúng thẩm quyền; đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo Tuấn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều nhất trí và không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Các bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn Th là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Do hám lời nên T và Th đã có thỏa thuận, khi khách đến nhà nghỉ 026 nơi T là lễ tân có nhu cầu mua dâm thì T gọi điện cho Th để đưa gái mại dâm đến bán dâm. Mỗi lần gái bán dâm cho khách xong, T trả cho Th 500.000đ/1 lần bán dâm. Trong khoảng thời gian từ 14 giờ 15 phút đến 15 giờ 00 phút ngày 11/11/2019, tại Nhà nghỉ 026 thuộc: phố Cầu Đất, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Minh T là nhân viên lễ tân tại Nhà nghỉ 026 đã tự ý 02 lần thực hiện hành vi chứa Đinh Thị Đ bán dâm cho Hoàng Anh Q (từ khoảng 14 giờ 15 phút đến 14 giờ 45 phút) và bán dâm cho Phùng Văn Đ (từ khoảng 14 giờ 50 phút đến 15 giờ 00 phút) tại các phòng khác nhau nhằm mục đích vụ lợi cá nhân, thu lợi bất chính số tiền là 1.100.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn Th thực hiện hành vi môi giới để Đinh Thị Đ 02 lần bán dâm cho 02 người gồm Hoàng Anh Q (từ khoảng 14 giờ 15 phút đến 14 giờ 45 phút) và Phùng Văn Đ (từ khoảng 14 giờ 50 phút đến 15 giờ 00 phút) tại các phòng khác nhau nhằm mục đích vụ lợi cá nhân, thu lợi bất chính số tiền là 860.000 đồng. Hành vi đó của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Chứa mại dâm*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 và tội “*Môi giới mại dâm*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 328- BLHS 2015. Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan Điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với sự thật khách quan của vụ án, đủ cơ sở kết luận Cáo trạng truy tố số 14/CT-VKS, ngày 25/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn- tỉnh Phú Thọ và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng bởi lẽ: Mại dâm là một tệ nạn xã hội, là nguyên nhân lây truyền các loại virus gây bệnh nguy hiểm cho con người, đặc biệt là căn bệnh HIV/AIDS. Nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, các

bị cáo vẫn cố ý vẫn thực hiện hành vi môi giới, chứa mại dâm và đồng ý cho các đối tượng mua - bán dâm tại nhà nghỉ nơi mình làm việc để thu lợi bất chính.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, đạo đức xã hội và nếp sống văn minh trong đời sống cộng đồng, sức khỏe con người. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. HĐXX nhất trí với đề xuất về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với các bị cáo của Kiểm sát viên tại bản luận tội bởi lẽ: Bị cáo Nguyễn Minh T: Đã có 02 tiền sự. Năm 2018 bị Công an huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy; Năm 2019 bị UBND thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã có Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, số tiền thu lợi bất chính đã được giao nộp trong quá trình điều tra. Bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn D được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Vì vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do tình tiết “*Phạm tội 02 lần trở lên*” là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự nên bị cáo Tuấn không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, quá trình sinh sống tại địa phương đã nhiều lần bị chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy và đánh bạc, bị cáo là đối tượng đã được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội “*Chứa mại dâm*” để thu lợi bất chính, chứng tỏ bị cáo là người khó cải tạo và coi thường pháp luật. Vì vậy cần xử phạt bị cáo Tuấn hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Th: Trong vụ án này, khi định tội bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt “*Phạm tội 02 lần*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự nên bị cáo Th không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo sinh ra và lớn lên trong gia đình cơ bản, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, số tiền thu lợi bất chính đã được giao nộp trong quá trình điều tra. Bị cáo có ông nội là thương binh, được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng 02 tình tiết

giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự. Theo tinh thần hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/HĐTP-TANDTC, ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo với mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật qui định cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo qui định của luật Thi hành án hình sự năm 2019 trong thời gian thử thách.

* *Về ý kiến người bào chữa cho bị cáo T* đề nghị xem xét lại thời hiệu xóa tiền sự Quyết định xử phạt vi phạm hành chính năm 2018 đối với bị cáo T và đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 và áp dụng Điều 54- BLHS, phạt bị cáo dưới khung hình phạt là không có căn cứ bởi lẽ: Tại Thông báo kết quả xác minh nhân thân bị cáo T tại Phòng hồ sơ Công an tỉnh Yên Bái và nơi cư trú của bị cáo T (BL73) thể hiện tiền sự của bị cáo tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” năm 2018 và Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Theo tinh thần hướng dẫn tại Mục 3 Công văn số 212/TANDTC-PC, ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm “t” khoản 1 Điều 51-BLHS, được hiểu “...*hành vi, lời nói thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan có trách nhiệm trong việc làm sáng tỏ vụ án,....giúp cơ quan này phát hiện thêm tội phạm mới hoặc đồng phạm mới...*”. Trong vụ án này, hành vi phạm tội của bị cáo T bị cơ quan Điều tra công an tỉnh Phú Thọ bắt quả tang, hành vi phạm tội rõ ràng. Tại cơ quan điều tra, bị cáo Tuấn thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự duy nhất qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51- BLHS mà bị cáo được hưởng. Do đó bị cáo T không đủ điều kiện để hưởng điểm “t” khoản 1 Điều 51 và Điều 54 – BLHS.

[5]. Căn cứ tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T có nhân thân xấu, quá trình sinh sống tại địa phương đã nhiều lần bị chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy và đánh bạc, bị cáo là đối tượng đã được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội Chứa mại dâm để thu lời bất chính, chứng tỏ bị cáo là người khó cải tạo và coi thường pháp luật. Vì vậy cần xử phạt bị cáo T hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm,

Bị cáo Th có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo theo tinh thần hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/HĐTP-TANDTC, ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tối cao với mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật qui định cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo qui định của luật Thi hành án hình sự năm 2019 trong thời gian thử thách.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 của Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Minh T có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền

từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Theo quy định tại khoản 4 Điều 328 của Bộ luật hình sự bị cáo Nguyễn Văn Th có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy theo biên bản xác minh về tình trạng kinh tế và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo T và Th đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản gì. Vì vậy miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[7]. Đối với người mua, bán dâm: Hoàng Anh Q; anh Phùng Văn Đ và chị Đinh Thị Đ đã thực hiện hành vi mua, bán dâm, là hành vi vi phạm hành chính, Cơ quan điều tra đã chuyển Công an huyện Thanh Sơn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17, 19/QĐ-XPHC cùng ngày 06/02/2020 theo quy định tại khoản 1 Điều 22 và khoản 2 Điều 23 Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với ông Đinh Việt B là chủ nhà nghỉ 026, quá trình điều tra xác định: anh B không biết việc Nguyễn Minh T chứa mại dâm tại nhà nghỉ của mình do đó Đinh Việt B không phạm tội, tuy nhiên quá trình quản lý nhà nghỉ đã thiếu trách nhiệm để xảy ra việc mua bán d tại cơ sở lưu trú của mình, do đó vi phạm khoản 1 Điều 25 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Cơ quan điều tra đã chuyển Công an huyện Thanh Sơn đề nghị Chủ tịch UBND huyện Thanh Sơn xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đinh Việt B theo thẩm quyền là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng:

Xét thấy 25 bao cao su chưa qua sử dụng; 02 bao cao su đã qua sử dụng được thu giữ trong quá trình bắt quả tang và khám xét khẩn cấp, đây là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 2.200.000 đồng thu giữ của bị cáo T, bị cáo Th và anh Đ, đây là số tiền do hành vi phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0918.689.480 của bị cáo Nguyễn Minh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWAI màu đen, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0336.819.926 của bị cáo Nguyễn Văn Th. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo T và Th sử dụng để trao đổi, liên lạc với nhau phục vụ cho việc phạm tội nên cần tịch thu bán nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển kiểm soát 19C1-291.93 đã qua sử dụng của bị cáo Th. Đây là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng bị cáo, là phương tiện đi lại hàng ngày. Bị cáo nhất thời sử dụng vào việc phạm tội, vợ bị cáo không biết gì nên cần trả lại cho gia đình bị cáo để sở hữu, sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0867.731.447 của chị Đ, qua điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Sơn đã xác định tài sản trên của chị Đ không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho chị Đinh Thị Đ ngày 16/01/2020 là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 106-BLTTHS và Điều 23, Nghị Quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố : Bị cáo **Nguyễn Minh T** phạm tội "*Chứa mại dâm*".

Bị cáo **Nguyễn Văn Th** (Tên gọi khác: Kẹo) phạm tội "*Môi giới mại dâm*".

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 05 năm 06 tháng (Năm năm, sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 11/11/2019.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Minh T.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1+ 2+ 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 03 (Ba năm) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm năm). Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND TT Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Bị cáo Th phải thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo có ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo qui định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự 2019.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn Th.

3. Vật chứng: Căn cứ khoản 1 ,điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 25 bao cao su chưa qua sử dụng; 02 bao cao su đã qua sử dụng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo T, bị cáo Th và anh Đ.

Tịch thu bán nộp ngân sách Nhà nước các vật chứng là đồ vật gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0918.689.480 của bị cáo Nguyễn Minh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu đen, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0336.819.926 của bị cáo Nguyễn Văn Th.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Th và chị Trần Thị Th (vợ bị cáo Thân): 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển kiểm soát 19C1-291.93 đã qua sử dụng.

Vật chứng là đồ vật đã được cơ quan Điều tra bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/02/2020. Vật chứng là tiền được tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054594.00000 của Chi cục Thi hành án huyện Thanh Sơn tại kho bạc huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Xác nhận biên bản trả tài sản 16/01/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Sơn cho chủ sở hữu là chị Đinh Thị Đ là hợp pháp.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú, để yêu cầu án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Thanh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thanh Sơn;
- Công an huyện Thanh Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo; Những người TGT;
- Lưu HS, VP.

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Thủy